TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 12 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn TG (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TLA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị M (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TLA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn TG trình bày:

Vào năm 2010, ông và bà Trần Thị M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân rơi

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không được nên đã ly thân cách đây khoảng 04 năm. Ông nhận thấy không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà Mười.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Trần Hoàng N (N), sinh ngày 11/5/2011. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu N đến khi thành niên và không yêu cầu bà Mười cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trần Thị M trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2020 như sau: Bà thống nhất với phần trình bày của ông Giang về quá trình tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng cũng đã ly thân cách đây khoảng 04 năm, nay ông Giang yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Trần Hoàng N (N), sinh ngày 11/5/2011. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao cháu N cho ông Giang nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn TG được ly hôn với bà Trần Thị M; Về con chung: Giao cháu Lê Trần Hoàng N (N), sinh ngày 11/5/2011 cho ông Giang tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Mười chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn TG và bà Trần Thị M do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên ông Giang yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Mười, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là

ly hôn, nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Trần Thị M và ông Lê Văn TG có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Giang, bà Mười.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Giang và bà Mười đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa ông Giang và bà Mười phát sinh mâu thuẫn. Ông Giang cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên bà Mười và ông Giang đã chính thức ly thân cách đây 04 năm. Quá trình giải quyết, ông Giang xác định không còn tình cảm với bà Mười và cương quyết ly hôn, bà Mười cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của ông Giang. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Giang được ly hôn với bà Mười.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Giang và bà Mười có 01 con chung là cháu Lê Trần Hoàng N (N), sinh ngày 11/5/2011. Cháu N hiện tại đang sống chung với ông Giang và cháu có nguyện vọng được sống chung với ông Giang sau khi cha mẹ ly hôn. Bà Mười cũng thống nhất giao cháu N cho ông Giang nuôi dưỡng. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu N nên giao cháu cho ông Giang tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Giang không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên bà Mười chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà Mười có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của ông Giang cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn TG phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn TG.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn TG được ly hôn với bà Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Hoàng N (N), sinh ngày 11/5/2011 cho ông Lê Văn TG nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị M chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Mười có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn TG phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Giang đã nộp theo biên lai số 0005639 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông Giang đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã TLA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên